CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA
DN: 0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:5700102119, cn=CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA, st=Quảng Ninh, c=VN
Date: 2023.10.19 14:39:33 +07'00'

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:20231019/CBTT/RIC	*Hạ Long, ngày 19 tháng 10 năm 2023*

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: **- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước**
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần quốc tế Hoàng Gia thực hiện công bố thông tin Báo cáo tài chính (BCTC) quý 3/2023 với Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. **Tên tổ chức**
   - Mã chứng khoán: RIC
   - Địa chỉ: Đường Hạ Long, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
   - Điện thoại: 02033 848777 Fax: 02033 846728
   - Email:..... Wrbsite: http://royalhalonghotel.com/
2. **Nội dung thông tin công bố:**

- BCTC quý 3/2023

☑ BCTC riêng (CTNY không có công ty con là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

☐ BCTC hợp nhất (CTNY có công ty con);

☐ BCTC tổng hợp (CTNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2022)

☐ Có ☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có ☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2022)

☐ Có ☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có ☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo có thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước?

☑ Có ☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có

☑ Có ☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☑ Có ☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có

☑ Có ☐ Không

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

M.S.D.N: 5700102119 - C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA TP. HẠ LONG - T. QUẢNG NINH

Chen Yu Chen

Tài liệu đính kèm:

- *BCTC*
- *Văn bản giải trình*

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

PHÒNG KẾ TOÁN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III năm 2023

***

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
QUÍ III NĂM 2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2023	31/12/2022
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**50,153,952,520**	**44,628,564,560**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	5	**27,393,183,300**	**13,465,037,680**
1. Tiền	111		27,393,183,300	13,465,037,680
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**10,939,520,060**	**17,697,176,560**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	7,700,918,540	13,966,208,320
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3,609,700,360	4,220,067,280
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		5,797,783,600	5,477,342,000
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(6,168,882,440)	(5,966,441,040)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	**140**	7	**11,234,810,300**	**8,159,299,920**
1. Hàng tồn kho	141		13,024,401,880	8,159,299,920
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(1,789,591,580)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**586,438,860**	**5,307,050,400**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		586,438,860	975,596,240
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	4,331,454,160
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
QUÍ III NĂM 2023
(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2023	31/12/2022
1	2	3	4	5
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**873,264,839,720**	**884,490,749,680**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**-**	**-**
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	**220**		**811,040,922,860**	**819,005,835,680**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	810,905,944,800	818,820,425,280
- Nguyên giá	222		1,431,966,737,740	1,384,862,765,440
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	223		(621,060,792,940)	(566,042,340,160)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	9	134,978,060	185,410,400
- Nguyên giá	228		108,904,285,420	105,397,045,840
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	229		(108,769,307,360)	(105,211,635,440)
III. Bất động sản đầu tư	**230**		**-**	**-**
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**47,735,658,180**	**45,886,659,680**
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	10	47,735,658,180	45,886,659,680
V. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**10,158,134,420**	**9,830,993,840**
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	11	10,158,134,420	9,830,993,840
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**4,330,124,260**	**9,767,260,480**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	4,330,124,260	4,769,032,080
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	4,998,228,400
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**923,418,792,240**	**929,119,314,240**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
QUÍ III NĂM 2023
(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2023	31/12/2022
1	2	3	4	5
C - NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**313,699,619,800**	**285,865,028,080**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**227,964,646,560**	**202,815,021,920**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		3,372,223,260	13,496,283,200
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		846,828,080	735,640,960
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	5,950,224,280	2,268,616,960
4. Phải trả người lao động	314		5,046,672,960	5,113,576,640
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		27,411,081,880	13,030,811,680
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		1,209,110,840	988,066,320
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	14	90,448,887,620	92,765,347,040
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	15	93,679,617,640	74,416,679,120
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	**330**		**85,734,973,240**	**83,050,006,160**
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	16	85,734,973,240	83,050,006,160
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
QUÍ III NĂM 2023
(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2023	31/12/2022
1	2	3	4	5
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**609,719,172,440**	**643,254,286,160**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**		**609,719,172,440**	**643,254,286,160**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	17	703,687,540,000	703,687,540,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		703,687,540,000	703,687,540,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		81,363,105,200	81,363,105,200
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		342,874,608,390	322,154,417,926
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		11,206,193,409	11,206,193,409
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		**(529,412,274,559)**	**(475,156,970,375)**
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(475,156,970,375)	(414,688,818,779)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(54,255,304,184)	(60,468,151,596)
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN(440 = 300 + 400)	**440**		**923,418,792,240**	**929,119,314,240**

Hạ Long, ngày 19 tháng 10 năm 2023

Người lập	Kế toán trưởng	Phó Tổng Giám Đốc
Nguyễn Thị Huệ	Mai Thị Dung	Nguyễn Thắng Hiền

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA
M.S.D.N: 5700102119 - C.T.C.P
TP. HẠ LONG - QUẢNG NINH

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

QUÍ III NĂM 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Thuyết minh	Quý 3		Lũy kế từ đầu năm	
			2023	2022	2023	2022
1			4	4	6	6
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**		**30,693,754,138**	**45,692,780,400**	**86,401,359,282**	**96,710,069,340**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**10**		**30,693,754,138**	**45,692,780,400**	**86,401,359,282**	**96,710,069,340**
4. Giá vốn hàng bán	11		34,313,958,700	36,750,758,400	92,556,991,434	94,063,546,620
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**20**		**(3,620,204,562)**	**8,942,022,000**	**(6,155,632,152)**	**2,646,522,720**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	1,306,329,406	2,194,940,160	2,902,018,776	5,031,100,620
7. Chi phí tài chính	22	20	6,046,207,302	2,592,698,760	19,080,656,254	7,717,817,160
Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		5,829,964,664	2,531,723,040	16,823,777,692	7,443,333,540
8. Chi phí bán hàng	24		3,381,287,660	3,926,432,340	10,080,121,510	9,610,270,380
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		6,697,159,590	8,236,064,340	21,463,534,840	26,302,246,020
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**(18,438,529,708)**	**(3,618,233,280)**	**(53,877,925,980)**	**(35,952,710,220)**
11. Thu nhập khác	31	21	33,867,888	1,098,607,860	77,709,582	1,394,105,580
12. Chi phí khác	32	22	58,527,346	293,222,160	455,087,786	1,146,719,700
13. Lợi nhuận khác	40		(24,659,458)	805,385,700	(377,378,204)	247,385,880
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**(18,463,189,166)**	**(2,812,847,580)**	**(54,255,304,184)**	**(35,705,324,340)**
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**60**		**(18,463,189,166)**	**(2,812,847,580)**	**(54,255,304,184)**	**(35,705,324,340)**
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**					
19. lãi suy giảm trên cổ phiếu	71					

Hạ Long, ngày 19 tháng 10 năm 2023

Người lập	Kế toán trưởng	Phó Tổng Giám Đốc
Nguyễn Thị Huệ	Mai Thị Dung	Nguyễn Thắng Hiền

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
QUÍ III NĂM 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm 2023	Lũy kế từ đầu năm 2022
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	**01**	**(54,255,304,184)**	**(35,705,324,340)**
2. Điều chỉnh cho các khoản		**54,198,116,246**	**37,949,328,360**
Khấu hao tài sản cố định	02	35,787,307,500	31,357,007,820
Các khoản dự phòng	03	-	(99,451,260)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	1,587,031,054	(875,092,140)
Lỗ thanh lý tài sản	05	-	123,530,400
Chi phí lãi vay	06	16,823,777,692	7,443,333,540
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	**08**	**(57,187,938)**	**2,244,004,020**
(Tăng) giảm các khoản phải thu	09	7,379,181,360	(65,058,887,340)
(Tăng) giảm hàng tồn kho	10	2,331,096,116	7,200,243,360
Tăng (giảm) các khoản phải trả	11	(7,501,665,438)	90,685,524,240
(Tăng) giảm chi phí trả trước	12	1,006,493,358	(1,853,188,200)
Tiền lãi vay đã trả	13	(5,496,691,252)	(5,717,716,020)
Thuế TNDN đã nộp	14	-	-
Tiền chi khác cho HĐSXKD	16		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**	**(2,338,773,794)**	**27,499,980,060**
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(584,532,002)	(71,758,670,040)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**	**(584,532,002)**	**(71,758,670,040)**
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	118,383,360,818	168,807,194,100
3. Tiền chi trả nợp gốc vay	34	(101,684,363,332)	(115,830,949,860)
4. Thù lao Hội đồng quản trị	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**	**16,698,997,486**	**52,976,244,240**
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	**50**	**13,775,691,690**	**8,717,554,260**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

QUÍ III NĂM 2023

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm	
		2023	2022
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu kỳ	60	**13,465,037,680**	**9,238,093,520**
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	152,453,930	391,995,100
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối kỳ	70	**27,393,183,300**	**18,347,642,880**

Hạ Long, ngày 19 tháng 10 năm 2023

Người lập	Kế toán trưởng	Phó Tổng Giám Đốc
Nguyễn Thị Huệ	Mai Thị Dung	Nguyễn Thắng Hiền

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÍ III NĂM 2023

1. Thông tin khái quát

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được chuyển đổi hình thức hoạt động từ công ty liên doanh nước ngoài theo Nghị định số 38/2003/NĐ-CP của Chính phủ ngày 15 tháng 4 năm 2003 về việc chuyển đổi một số doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần và Thông tư liên tịch số 08/TTLT-BKH-BTC của Bộ Kế hoạch - Đầu tư và Bộ Tài chính ngày 29 tháng 12 năm 2003 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 38/2003/NĐ-CP. Ngày 15 tháng 6 năm 2005, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã cấp Giấy phép đầu tư số 953 CPH/GP cho phép Công ty Liên doanh TNHH Quốc tế Hoàng Gia chuyển thành Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia với mệnh giá cổ phần, vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phần như sau:

- Mệnh giá cổ phần: 01 Đô la Mỹ/cổ phần
- Vốn điều lệ: 21.000.000 Đô la Mỹ
- Tổng số lượng cổ phần: 21.000.000 cổ phần.

Ngày 14 tháng 3 năm 2006, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã cấp Giấy phép đầu tư sửa đổi số 953 CPH/GPĐC1 chấp thuận việc chuyển đổi đồng tiền ghi mệnh giá cổ phần của Công ty. Theo đó, mệnh giá cổ phần, vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phần của Công ty là:

- Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần
- Vốn điều lệ: 332.136.000.000 VND
- Tổng số lượng cổ phần: 33.213.600 cổ phần.

Công ty đã thực hiện các lần tăng vốn điều lệ và vốn đầu tư qua các năm. Theo Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi gần nhất số 544.2194.665 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 10 tháng 10 năm 2023, vốn đầu tư của Công ty là 67.000.000 USD tương đương 1.171.473.560.000 VND và vốn điều lệ là 42.309.869,89 USD tương đương 703.687.540.000 VND.

Chủ sở hữu (Công ty mẹ) của Công ty là Công ty TNHH Đầu tư Khải Việt (thành lập tại Quần đảo British Virgin).

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2023 là 465 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 535 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Công ty hoạt động trong ngành kinh doanh khách sạn.
Hoạt động chính của Công ty là xây dựng và kinh doanh một khu khách sạn đạt tiêu chuẩn năm sao, kinh doanh trò chơi có thưởng dành riêng cho người nước ngoài cùng các hoạt động vui chơi giải trí tại phường Bãi Cháy,

thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Ngoài ra, Công ty được phép làm Đại lý đổi ngoại tệ theo Giấy chứng nhận số 1060/NHNN-QNN1 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh Quảng Ninh cấp ngày 28 tháng 11 năm 2008.

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính và kỳ kế toán

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), trên cơ sở qui đổi từ báo cáo gốc là đô la mỹ (USD) theo qui định của thông tư 200 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, cụ thể:

2.1 / Tỷ giá qui đổi trên báo cáo kết quả kinh doanh và báo cáo Lưu chuyển tiền tệ là tỷ giá bình quân thấp nhất và cao nhất lũy kế từ đầu năm đến kỳ báo cáo của Ngân hàng VCB Hạ long nơi Công ty mở tài khoản:

- Tỷ giá qui đổi trên báo cáo kết quả kinh doanh quí 3/2022 và lũy kế đến 30/09/2022 là: 23.220 VND/USD.
- Tỷ giá qui đổi trên báo cáo kết quả kinh doanh quí 3/2023 và lũy kế đến 30/09/2023 là: 23.918 VND/USD.

2.2 / Tỷ giá qui đổi trên bảng tổng kết tài sản là tỷ giá mua vào của Ngân hàng VCB Hạ long nơi Công ty mở tài khoản tại ngày 30/09/2023 và 31/12/2022 (Tỷ giá bán ra của Công ty) cụ thể:

- Tỷ giá qui đổi trên bảng tổng kết tài sản tại ngày 31/12/2022 là: 23.440 VND/USD.
- Tỷ giá qui đổi trên bảng tổng kết tài sản tại ngày 30/09/2023 là: 24.220 VND/USD.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. Áp dụng hướng dẫn kế toán mới

Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc Công ty đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính quí III năm 2023 cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt giai đoạn hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Chính sách tín dụng đối với hoạt động của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia

Ngày 01 tháng 07 năm 2009, Hội đồng Quản trị đã ban hành chính sách tín dụng đối với hoạt động của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia. Theo đó, khách chỉ được cho vay trong một hạn mức và trong một khoảng thời gian nhất định do Tổng Giám đốc quyết định. Khách hàng được cho vay dưới dạng chip để chơi tại Câu lạc bộ Quốc tế và được hoàn trả bằng chip hoặc bằng tiền.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Riêng đối với các khoản phải thu từ hoạt động của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia, dự phòng phải thu khó đòi được trích lập dựa trên thời gian từ khi bắt đầu cho nợ, cụ thể như sau:

Thời gian nợ (tháng)	Tỷ lệ dự phòng (%)
0 – 1	3
1 – 2	6,25
2 – 3	12,50
3 – 4	25
4 – 5	50
5 – 6	75
Trên 6 tháng	100

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định như sau:

Loại hàng tồn kho	Phương pháp tính giá
Hàng ăn	Nhập trước - Xuất trước
Hàng giải khát	Bình quân gia quyền
Hàng lưu niệm, mỹ nghệ	Giá đích danh
Vật tư khác	Nhập trước - Xuất trước

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	35
Máy móc và thiết bị	10
Thiết bị văn phòng	5 - 10
Phương tiện vận tải	8
Tài sản khác	5

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất thể hiện giá trị quyền sử dụng 6,5 ha đất tại phường Bãi Cháy - TP. Hạ Long trong thời gian của Giấy phép đầu tư là 26 năm và 7 tháng bắt đầu từ ngày 13 tháng 8 năm 1994. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bầy theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.
Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 35 năm.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn của Công ty bao gồm giá trị còn lại của các khoản chi phí trước hoạt động phát sinh trước khi khách sạn Hoàng gia Hạ long đi vào hoạt động kinh doanh, giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng trong nhiều kỳ kinh doanh và các tài sản có nguyên giá nhỏ hơn 30 triệu đồng theo thông tư 45. Các chi phí này được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 2-3 năm theo các quy định hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu từ hoạt động trò chơi có thưởng

Doanh thu đối với hoạt động của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia được xác định theo ngày đối với hoạt động chơi bài tại bàn chơi và mười ngày một lần đối với hoạt động kinh doanh bằng máy trò chơi điện tử, cụ thể:

- Doanh thu hoạt động chơi bài tại bàn chơi được ghi nhận trên cơ sở số chênh lệch giữa số chip cuối ca trừ số chip đầu ca tại từng bàn chơi cộng (+) số chip tiền mặt trong hộp drop box (+) số chip chuyển từ bàn chơi vào quầy trừ (-) số chip chuyển từ quầy ra bàn chơi.
- Doanh thu máy trò chơi bằng tổng số tiền khách nạp vào máy để chơi trừ đi tổng số tiền trả cho khách tại quầy thu ngân.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và

(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

(a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

(b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

(d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và

(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc điều hành về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.
Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.
Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.
Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam

5. Tiền

	30/09/2023	31/12/2022
	VND	VND
Tiền mặt	23,292,640,420	10,539,491,280
Tiền gửi ngân hàng	4,100,542,880	2,925,546,400
	27,393,183,300	**13,465,037,680**

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/09/2023	31/12/2022
	VND	VND
Phải thu từ khách hàng CLB	-	-
Phải thu từ các hoạt động kinh doanh khác	7,700,918,540	13,966,208,320
	7,700,918,540	**13,966,208,320**

7. Hàng tồn kho

	30/09/2023	31/12/2022
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	12,203,513,420	5,231,292,320
Hàng hóa	820,888,460	2,928,007,600
Cộng:	**13,024,401,880**	**8,159,299,920**
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1,789,591,580)	
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	**11,234,810,300**	**8,159,299,920**

8. Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính : VND

	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Thiết bị văn phòng	Phương tiện vận tải	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2023	1,024,909,124,480	290,918,551,440	18,363,130,400	14,328,028,160	36,343,930,960	1,384,862,765,440
Tại ngày 30/09/2023	1,059,014,462,240	301,619,943,240	14,804,838,300	18,974,165,980	37,553,327,980	**1,431,966,737,740**
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2023	250,844,730,480	248,864,800,560	18,325,532,640	12,861,785,840	35,145,490,640	**566,042,340,160**
Tại ngày 30/09/2023	278,328,489,600	273,081,468,800	14,120,211,560	18,946,603,620	36,584,019,360	**621,060,792,940**
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2023	774,064,394,000	42,053,750,880	37,597,760	1,466,242,320	1,198,440,320	818,820,425,280
Tại ngày 30/09/2023	**780,685,972,640**	**28,538,474,440**	**684,626,740**	**27,562,360**	**969,308,620**	**810,905,944,800**

9. Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2023	103,001,641,920	2,395,403,920	105,397,045,840
Tại ngày 30/09/2023	**103,001,641,920**	**5,902,643,500**	**108,904,285,420**
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2023	103,001,641,920	2,209,993,520	105,211,635,440
Tại ngày 30/09/2023	**103,001,641,920**	**5,767,665,440**	**108,769,307,360**
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2023	-	185,410,400	185,410,400
Tại ngày 30/09/2023	-	**134,978,060**	**134,978,060**

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/09/2023	31/12/2022
	VND	VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (*)	47,735,658,180	45,886,659,680
Cộng:	**47,735,658,180**	**45,886,659,680**

11. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là giá trị khoản tiền góp vốn vào Công ty cổ phần chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia, tương ứng với 2.25% vốn điều lệ của công ty này.

12. Chi phí trả trước dài hạn

	30/09/2023	31/12/2022
	VND	VND
Công cụ dụng cụ	4,302,271,260	4,618,078,480
Sửa chữa lớn tài sản cố định	27,853,000	150,953,600
Cộng:	**4,330,124,260**	**4,769,032,080**

13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	30/09/2023	31/12/2022
	VND	VND
Thuế GTGT	4,001,628,400	480,332,480
Thuế tiêu thụ đặc biệt	1,788,647,000	1,539,093,840
Các loại thuế khác	159,948,880	249,190,640
Cộng	**5,950,224,280**	**2,268,616,960**

14. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác

	30/09/2023	31/12/2022
	VND	VND
Công ty TNHH xây dựng công trình quốc tế Quảng tây VN	782,257,560	755,940,000
Phải trả Đại lý Long Bay- ký gửi chip	16,169,320,440	15,648,590,880
Công ty TNHH Dụ Thành	742,948,500	717,943,760
Phải trả kinh phí công đoàn	545,773,480	701,512,320
Quỹ khuyến khích nhân viên	160,191,080	154,797,760
Phải trả Đại lý Long Bay	52,561,154,100	51,511,181,440
Các khoản phải trả khác	19,487,242,460	23,275,380,880
Cộng	**90,448,887,620**	**92,765,347,040**

15. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	30/09/2023 VND	31/12/2022 VND
Ngân hàng HDBank Chi nhánh Quảng Ninh (1)	1,686,995,660	-
Công ty TNHH bất động sản Lam Xuân (2)	51,637,597,060	3,200,005,360
Ngân hàng đại chúng PVcombank Quảng Ninh (3)	40,355,024,920	71,216,673,760
Cộng:	**93,679,617,640**	**74,416,679,120**

-

16. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	30/09/2023 VND	31/12/2022 VND
Công ty TNHH bất động sản Lam Xuân (1)	85,734,973,240	83,050,006,160
Cộng:	**85,734,973,240**	**83,050,006,160**

-

17. Vốn góp của chủ sở hữu

Thay đổi vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính : VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Thặng dư vốn cổ phần	Quĩ đầu tư phát triển	Chênh lệch tỷ giá	Tổng cộng
Số dư 01/01/2023	703,687,540,000	(475,156,970,375)	81,363,105,200	11,206,193,409	322,154,417,926	643,254,286,160
Số dư 30/09/2023	703,687,540,000	(529,412,274,559)	81,363,105,200	11,206,193,409	342,874,608,390	609,719,172,440

-

18. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Bộ phận theo lĩnh vực địa lý:

Công ty chỉ có doanh thu duy nhất tại Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng ninh.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:

Công ty đã thực hiện phân cấp quản lý theo hạng mục kinh doanh. Cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 2 bộ phận với hoạt động chính như sau:
- Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia: Kinh doanh trò chơi có thưởng - đây là hoạt động mang tính chất thời vụ, không ổn định. Doanh thu phát sinh phụ thuộc vào số lượng các đoàn khách đến chơi và kết quả chơi của khách
- Khu Khách sạn - Biệt thự Hoàng Gia: Cho thuê phòng và các dịch vụ liên quan.

Các thông tin về hoạt động kinh doanh theo bộ phận của Công ty như sau:

Cho kỳ hoạt động từ 01/07/2022 đến 30/09/2022:

	Câu lạc bộ VND	Khách sạn - Biệt thự VND	Bù trừ VND	Tổng cộng VND
1. Doanh thu thuần từ bán hàng hóa và dịch vụ ra bên ngoài	7,025,930,820	38,666,849,580	-	45,692,780,400
2. Khấu hao và chi phí dài hạn phân bổ	2,865,348,000	7,753,158,000	-	10,618,506,000
3. Lợi nhuận/(Lỗ) từ hoạt động kinh doanh	**(16,715,869,020)**	**13,097,635,740**	-	**(3,618,233,280)**
4. Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình và tài sản dài hạn khác tăng trong kỳ	-	243,717,120	-	243,717,120
5. Tài sản bộ phận	151,193,508,480	613,267,931,520	(696,668,204,800)	67,793,235,200
6. Tài sản không phân bổ	-	-	-	867,688,290,560
Tổng tài sản	**151,193,508,480**	**613,267,931,520**	**(696,668,204,800)**	**935,481,525,760**
7. Nợ phải trả bộ phận	543,643,285,120	295,395,639,040	(696,668,204,800)	142,370,719,360
8. Nợ phải trả không phân bổ	-		-	118,401,681,280
Tổng Nợ phải trả	**543,643,285,120**	**295,395,639,040**	**(696,668,204,800)**	**260,772,400,640**

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2022 đến 30/09/2022:

	Câu lạc bộ	Khách sạn - Biệt thự	Bù trừ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
1. Doanh thu thuần từ bán hàng hóa và dịch vụ ra bên ngoài	22,591,434,600	74,118,634,740	-	96,710,069,340
2. Khấu hao và chi phí dài hạn phân bổ	8,690,386,860	23,293,514,520	-	31,983,901,380
3. Lợi nhuận/(Lỗ) từ hoạt động kinh doanh	**(48,326,532,120)**	**12,373,821,900**	**-**	**(35,952,710,220)**
4. Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình và tài sản dài hạn khác tăng trong kỳ	-	434,330,100	-	434,330,100
5. Tài sản bộ phận	151,193,508,480	613,267,931,520	(696,668,204,800)	67,793,235,200
6. Tài sản không phân bổ	-	-	-	867,688,290,560
Tổng tài sản	**151,193,508,480**	**613,267,931,520**	**(696,668,204,800)**	**935,481,525,760**
7. Nợ phải trả bộ phận	543,643,285,120	295,395,639,040	(696,668,204,800)	142,370,719,360
8. Nợ phải trả không phân bổ	-		-	118,401,681,280
Tổng Nợ phải trả	**543,643,285,120**	**295,395,639,040**	**(696,668,204,800)**	**260,772,400,640**

Cho kỳ hoạt động từ 01/07/2023 đến 30/09/2023:

	Câu lạc bộ	Khách sạn - Biệt thự	Bù trừ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
1. Doanh thu thuần từ bán hàng hóa và dịch vụ ra bên ngoài	15,428,616,834	15,265,137,304	-	30,693,754,138
2. Khấu hao và chi phí dài hạn phân bổ	2,481,540,336	9,376,286,524	-	11,857,826,860
3. Lợi nhuận/(Lỗ) từ hoạt động kinh doanh	**(6,537,243,842)**	**(11,901,285,866)**	**-**	**(18,438,529,708)**
4. Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình và tài sản dài hạn khác tăng trong năm	-	1,325,966,084	-	1,325,966,084
5. Tài sản bộ phận	152,148,271,940	732,537,363,460	(871,111,366,860)	13,574,268,540
6. Tài sản không phân bổ	-	-	-	909,844,523,700
Tổng tài sản	**152,148,271,940**	**732,537,363,460**	**(871,111,366,860)**	**923,418,792,240**
7. Nợ phải trả bộ phận	580,951,479,920	460,918,322,480	(871,111,366,860)	170,758,435,540
8. Nợ phải trả không phân bổ	-		-	142,941,184,260
Tổng Nợ phải trả	**580,951,479,920**	**460,918,322,480**	**(871,111,366,860)**	**313,699,619,800**

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2023 đến 30/09/2023:

	Câu lạc bộ	Khách sạn - Biệt thự	Bù trừ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
1. Doanh thu thuần từ bán hàng hóa và dịch vụ ra bên ngoài	53,747,405,454	32,653,953,828	-	86,401,359,282
2. Khấu hao và chi phí dài hạn phân bổ	7,751,297,604	28,036,009,896	-	35,787,307,500
3. Lợi nhuận/(Lỗ) từ hoạt động kinh doanh	**(12,845,735,932)**	**(41,032,190,048)**	-	**(53,877,925,980)**
4. Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình và tài sản dài hạn khác tăng trong kỳ	-	1,325,966,084	-	1,325,966,084
5. Tài sản bộ phận	152,148,271,940	732,537,363,460	(871,111,366,860)	13,574,268,540
6. Tài sản không phân bổ	-	-	-	909,844,523,700
Tổng tài sản	**152,148,271,940**	**732,537,363,460**	**(871,111,366,860)**	**923,418,792,240**
7. Nợ phải trả bộ phận	580,951,479,920	460,918,322,480.00	(871,111,366,860)	170,758,435,540
8. Nợ phải trả không phân bổ	-		-	142,941,184,260
Tổng Nợ phải trả	**580,951,479,920**	**460,918,322,480**	**(871,111,366,860)**	**313,699,619,800**

19. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quí III/2023	Quí III/2022
	VND	VND
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1,249,380,648	1,910,216,520
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	282,680,280
Lãi tiền gửi	2,128,702	2,043,360
	1,306,329,406	**2,194,940,160**

20. Chi phí hoạt động tài chính

	Quí III/2023	Quí III/2022
	VND	VND
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	21,334,856	60,975,720
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	194,931,700	
Chi phí tài chính khác	-	
Lãi tiền vay	5,829,940,746	2,531,723,040
	6,046,207,302	**2,592,698,760**

21. Thu nhập khác

	Quí III/2023	Quí III/2022
	VND	VND
Thu khác	33,867,888	1,098,607,860
	33,867,888	**1,098,607,860**

22. Chi phí khác

	Quí III/2023	Quí III/2022
	VND	VND
Các khoản chi khác	58,527,346	293,222,160
	58,527,346	**293,222,160**

23. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Cho giai đoạn từ 01/01/2023 đến 30/09/2023 VND	Cho giai đoạn từ 01/01/2022 đến 30/09/2022 VND
(Lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế	**(54,255,304,184)**	**(35,705,324,340)**
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ:	**457,634,371**	**891,489,561**
- Thu nhập không chịu thuế và điều chỉnh khác (1)	496,261,941	496,261,941
Trừ hoàn nhập chi phí dự phòng phải thu khó đòi	-	
Trừ Chíp hoàn nhập trong kỳ	(38,627,570)	395,227,620
Cộng:	**343,008,038**	**151,928,460**
- Các khoản điều chỉnh tăng doanh thu		
- Chi phí không hợp lý cho mục đích tính thuế	343,008,038	151,928,460
- Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	-	-
Thu nhập chịu thuế	**(54,369,930,517)**	**(36,444,885,441)**
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-

24. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Thu nhập của Ban Giám đốc điều hành được hưởng như sau:

	Quí III/2023 VND	Quí III/2022 VND
Ông Kuo Ta Wei	-	58,003,560
Ông Nguyễn Thắng Hiền	187,977,800	55,565,460
Bà Trần Thị Hồng Liễu	116,000,000	
Ông Phạm Ngọc Nam		
Ông Công Nghĩa Nam		83,243,700
Bà Cao Thị Huyên		132,516,540
Bà Mai Thị Dung	136,800,000	
	440,777,800	**329,329,260**

Hạ long, ngày 19 tháng 10 năm 2023

Người lập	Kế toán trưởng	Phó Tổng Giám Đốc
Nguyễn Thị Huệ	Mai Thị Dung	Nguyễn Thắng Hiền

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA Số: 20231019/CV/HG *"V/v: Giải trình chênh lệch kết quả kinh doanh giữa quí III năm 2023 và quí III năm 2022, nguyên nhân lỗ quí III năm 2023 "*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** --------***-------- *Hạ Long, ngày 19 tháng 10 năm 2023*

Kính gửi: **ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng gia (mã chứng khoán RIC) xin giải trình chênh lệch kết quả kinh doanh giữa quí III năm 2023 và quí III năm 2022, giải trình nguyên nhân lỗ quí III năm 2023, cụ thể như sau:

I - Giải trình chênh lệch kết quả kinh doanh giữa quí III năm 2023 và quí III năm 2022:
So sánh các chỉ tiêu trên bảng kết quả kinh doanh quí III năm 2023 và quí III năm 2022 như sau:

TT	Diễn giải	Quý III/2023	Quý III/2022	Số tiền tăng, giảm	Tỷ lệ tăng, (giảm) %
I	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**30,693,754,138**	**45,692,780,400**	**(14,999,026,262)**	**(33)**
II	**Doanh thu hoạt động tài chính**	**1,306,329,406**	**2,194,940,160**	**(888,610,754)**	**(40)**
III	**Thu nhập khác**	**33,867,888**	**1,098,607,860**	**(1,064,739,972)**	**(97)**
IV	**Chi phí**			**-**	
1	Chi phí hoạt động tài chính	6,046,207,302	2,592,698,760	**3,453,508,542**	**133**
2	Giá vốn hàng bán	34,313,958,700	36,750,758,400	**(2,436,799,700)**	**(7)**
3	Chi phí bán hàng	3,381,287,660	3,926,432,340	**(545,144,680)**	**(14)**
4	Chi phí quản lý	6,697,159,590	8,236,064,340	**(1,538,904,750)**	**(19)**
5	Chi phí khác	58,527,346	293,222,160	**(234,694,814)**	**(80)**
	Cộng chi phí (1-5)	**50,497,140,598**	**51,799,176,000**	**(1,302,035,402)**	**(3)**
V	**Lợi nhuận sau thuế**	**(18,463,189,166)**	**(2,812,847,580)**	**(15,650,341,586)**	

Giải trình chênh lệch:

1. Doanh thu quí III năm 2023 giảm 33% tương đương với 14 tỷ đồng so với quí III năm 2022 là do tình hình kinh tế năm 2023 nói chung, thị trường du lịch nói riêng sau đại dịch vẫn còn gặp nhiều khó khăn, người dân trong nước hạn chế đi du lịch khách hàng trong nước giảm, khách quốc tế của Công ty chủ yếu là khách Trung Quốc đến Hạ Long qua các của khẩu trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh. Nhưng trong quý 3.2023 Trung Quốc vẫn áp dụng chính sách hạn chế người dân đi du lịch nước ngoài do đó lượng

khách Trung Quốc của Công ty cũng giảm mạnh, dẫn đến doanh thu ở tất cả các mảng kinh doanh của Công ty của đều giảm mạnh.

2. Doanh thu hoạt động tài chính giảm là do lãi chênh lệch tỷ giá trong kỳ giảm.
3. Thu nhập khác giảm do quí III/2022 Công ty hạch toán tiền phí phục vụ chưa chia từ đầu năm 2022 vào thu nhập khác.
4. Chi phí hoạt động tài chính tăng là do quí III năm 2023 dư nợ gốc vay tăng nên chi phí lãi vay tăng.
5. Các chi phí bán hàng, chi phí quản lý giảm do doanh thu giảm.
6. Chi phí khác giảm là do quí III năm 2022 Công ty thực hiện hủy một số tài sản không còn giá trị sử dụng.

III - Giải trình nguyên nhân lỗ quí III năm 2023:

Như giải trình chênh lệch tại mục II- do doanh thu Quý 3.2023 của Công ty giảm 33% nhưng chi phí hoạt động chỉ giảm lần lượt với tỷ lệ lần lượt là 7%, 14% và 19% thấp hơn nhiều so với tỷ lệ giảm của doanh thu là nguyên nhân chính dẫn đến lỗ. Mặc dù Ban lãnh Công ty đã tích cực tìm mọi biện pháp ổn định nguồn khách hàng có sẵn, khai thác nguồn khách mới để tăng doanh thu nhưng vẫn chưa đủ bù đắp chi phí nên kết quả kinh doanh quí III năm 2023 của Công ty vẫn bị lỗ.

Trên đây là giải trình của Công ty Cổ phần quốc tế Hoàng gia; Kính trình ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hà nội xem xét.

Trân trọng cảm ơn!

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Phó Tổng Giám Đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Nguyễn Thắng Hiền